TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21/2021/QĐST- DS	*B, ngày 19 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12; Điều 25; Khoản 2, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2021 về việc các đương sự đã thoả thuận Đ với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 189/2021/TLST- DS ngày 16/7/2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự Đ ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Minh S (tên gọi khác: Đỗ Thị Độ), sinh năm 1951

Địa chỉ: Số nhà 6, ngõ 142, đường Thánh Thiên, phường LL, thành phố B, tỉnh B

***Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1968

Chị Ngô Bích P, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Số nhà 175, đường Thánh Thiên, phường LL thành phố B, tỉnh B.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Ông Nguyễn Hữu Đ - sinh năm: 1952; Địa chỉ: Số nhà 6, ngõ 142, đường Thánh Thiên, phường LL thành phố B, tỉnh B. Ông Đ đã ủy quyền cho bà S.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Vợ chồng chị Ngô Bích P, anh Nguyễn Văn T phải thanh toán trả cho vợ chồng bà Đỗ Thị Minh S (tên gọi khác: Đỗ Thị Độ), ông Nguyễn Hữu Đ số tiền vay gốc là 730.000.000 đồng (Bảy trăm ba mươi triệu đồng). Thời hạn thanh toán cụ thể như sau:

1- Ngày 11/12/2021 trả 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

2- Ngày 11/3/2022 trả 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3- Này 11/6/2022 trả 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

4- Ngày 11/9/2022 trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

5- Ngày 11/12/2022 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

6- Ngày 11/3/2023 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

7- Ngày 11/6/2023 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
8- Ngày 11/9/2023 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
9- Ngày 11/12/2023 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
10- Ngày 11/3/2024 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
11- Ngày 11/6/2024 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
12- Ngày 11/9/2024 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
13- Ngày 11/12/2024 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
14- Ngày 11/3/2025 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
15- Ngày 11/6/2025 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
16- Ngày 11/9/2025 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
17- Ngày 11/12/2025 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
18- Ngày 11/3/2026 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
19- Ngày 11/6/2026 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
20- Ngày 11/9/2026 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
21- Ngày 11/12/2026 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
22- Ngày 11/3/2027 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
23- Ngày 11/6/2027 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
24- Ngày 11/9/2027 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
25- Ngày 11/12/2027 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
26- Ngày 11/3/2028 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
27- Ngày 11/6/2028 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
28- Ngày 11/9/2028 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
29- Ngày 11/12/2028 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
30- Ngày 11/3/2029 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
31- Ngày 11/6/2029 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
32- Ngày 11/9/2029 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
33- Ngày 11/12/2029 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
34- Ngày 11/3/2030 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
35- Ngày 11/6/2030 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
36- Ngày 11/9/2030 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
37- Ngày 11/12/2030 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
38- Ngày 11/3/2031 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
39- Ngày 11/6/2031 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
40- Ngày 11/9/2031 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
41- Ngày 11/12/2031 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
42- Ngày 11/3/2032 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
43- Ngày 11/6/2032 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
44- Ngày 11/9/2032 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
45- Ngày 11/12/2032 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
46- Ngày 11/3/2032 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
47- Ngày 11/6/2032 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
48- Ngày 11/9/2032 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
49- Ngày 11/12/2032 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
50- Ngày 11/3/2033 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Trong trường hợp chị Ngô Bích P, anh Nguyễn Văn T vi phạm về thời gian trả tiền theo thỏa thuận trên, thì bà Đỗ Thị Minh S, ông Nguyễn Hữu Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành đối với toàn bộ số tiền còn lại.

- Về án phí:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Minh S, ông Nguyễn Hữu Đ là người cao tuổi nên Đ miễn án phí đối với phần án phí nguyên đơn phải chịu.

Bị đơn chị Ngô Thị P, anh Nguyễn Văn T phải chịu phần án phí dân sự sơ thẩm là 5.700.000 (Năm triệu bẩy trăm nghìn) đồng.

- Về lãi suất chậm thi hành án: Các đương sự thỏa thuận không tính lãi suất trong trường hợp bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi Đ ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP B;
-Chi Cục THADS TP B;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Hằng